

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-09-2024

V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lý Ngọc Sáng

- Ông Nguyễn Công Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Kéo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H** - sinh năm 1988

Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu** (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Tổng Văn Q** - sinh năm 1986

Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu** (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị H** và anh **Tổng Văn Q** kết hôn với nhau ngày 03/7/2013, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu**. Sau kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do anh **Q** thường xuyên uống rượu và có sử dụng bạo lực đối với chị, không chịu làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị **H** và anh **Q** đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị **H** đề nghị Tòa án **huyện M** giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Tổng Văn Q**.

Về con chung: Chị **H** và anh **Q** có 02 con chung là cháu **Tổng Ngọc H1** - sinh 29/12/2013 và cháu **Tổng Đức M** - sinh ngày 09/7/2016 sau khi ly hôn chị **H** đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh **Tổng Văn Q** nhưng anh **Q** không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh **Q**.

- Tại biên bản xác minh tại **tổ dân phố A thị trấn M, huyện M** đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh **Tổng Văn Q** ở địa phương thường xuyên sử dụng rượu, khi sử dụng rượu thường không kiểm soát được hành vi, lời nói của mình. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không khí gia đình luôn căng thẳng, nhiều khi dẫn đến xô sát làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tổ dân phố, trong gia đình thì ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các con.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị H** và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị H** được ly hôn với anh **Tống Văn Q**. Về con chung: Giao con chung là cháu **Tống Ngọc H1** - sinh 29/12/2013 và cháu **Tống Đức M** - sinh ngày 09/7/2016 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** không yêu cầu anh **Q** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị **Đỗ Thị H** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Tống Văn Q**. Anh **Tống Văn Q** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: bản **khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu**. Vì vậy Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng theo quy định, ngày 20/8/2024 tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh **Q** tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Q** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị H** và anh **Tổng Văn Q** kết hôn với nhau ngày 03/7/2013, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu**. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **Q** là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống của chị **H** và anh **Q** chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do anh **Q** thường xuyên uống rượu và có sử dụng bạo lực đối với chị, không chịu làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị **H** và anh **Q** đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Đại diện chính quyền địa phương nơi anh **Q** và chị **H** cư trú cho biết: "Anh **Tổng Văn Q** ở địa phương thường xuyên sử dụng rượu, khi sử dụng rượu thường không kiểm soát được hành vi, lời nói của mình. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không khí gia đình luôn căng thẳng, nhiều khi dẫn đến xô sát làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tổ dân phố, trong gia đình thì ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các con". Xét thấy hôn nhân giữa chị **H** và anh **Q** đã không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Q** là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình kết hôn chị **H** và anh **Q** có 02 con chung là cháu **Tổng Ngọc H1** - sinh 29/12/2013 và cháu **Tổng Đức M** - sinh ngày 09/7/2016 sau khi ly hôn chị **H** đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các cháu hiện tại đang ở với mẹ, cháu **Tổng Đức M** hiện đã đủ 7 tuổi có ý kiến muốn ở cùng mẹ. Anh **Q** thường xuyên uống rượu không làm chủ được hành vi cũng như lời nói của mình. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao các cháu **Tổng Ngọc H1** và **Tổng Đức M** cho mẹ cháu là chị **Đỗ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Đỗ Thị H** không yêu cầu anh **Tổng Văn Q** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản và nợ chung: Chị **Đỗ Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị **Đỗ Thị H2** phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị H** được ly hôn với anh **Tổng Văn Q**.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Tổng Ngọc H1** - sinh 29/12/2013 và cháu **Tổng Đức M** - sinh ngày 09/7/2016 cho chị **Đỗ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh **Tổng Văn Q** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, trừ việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Đỗ Thị H** không yêu cầu anh **Tổng Văn Q** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị **Đỗ Thị H** phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí toà án số: 0000695 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Mường Tè;
- THADS huyện Mường Tè;
- UBND TT Mường Tè;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đới Xuân Huy